

A. NỘI DUNG

I. PHẦN VĂN BẢN:

1. Văn bản nghị luận hiện đại:

- Bàn về đọc sách – Chu Quang Tiềm
- Tiếng nói văn nghệ - Nguyễn Đình Thi

2. Văn học hiện đại Việt Nam:

- Làng – Kim Lân
- Lặng lẽ Sa Pa – Nguyễn Thành Long
- Chiếc lược ngà – Nguyễn Quang Sáng
- Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải
- Viếng Lăng Bác – Viễn Phương
- Sang thu – Hữu Thỉnh
- Nói với con – Y Phương

II. PHẦN TIẾNG VIỆT:

1. Khởi ngữ
2. Các thành phần biệt lập
3. Liên kết câu và liên kết đoạn văn

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN:

- Nghị luận về một sự việc, hiện tượng, đời sống.
- Nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí
- Nghị luận về một tác phẩm truyện hoặc đoạn trích.

B. HƯỚNG DẪN LÀM ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP

I. PHẦN VĂN BẢN.

* Lập bảng thống kê theo mẫu.

stt	Tên VB	Tác giả	Nội dung	Nghệ thuật
1	Làng	Kim Lân	Làng đề cập tới tình yêu làng quê và lòng yêu nước cùng tinh thần kháng chiến của người nông dân phải rời làng đi tản cư khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra được thể hiện một cách chân thực , sâu sắc và cảm động ở nhân vật ông Hai.	Tạo dựng tình huống thắt nút và cởi nút câu chuyện rất tự nhiên. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật qua hành động suy nghĩ và lời nói
2	Lặng lẽ Sa Pa	Nguyễn Thành Long	Ca ngợi hình ảnh người lao động trong lặng lẽ cống hiến cho đất nước , nhất là anh thanh niên làm công tác khí tượng trên đỉnh núi cao	Tác giả đã xây dựng thành công tình huống ; tả nhân vật từ nhiều cách nhìn khác nhau và sự kết hợp giữa tự sự và trữ tình

3	Chiếc lược ngà	Nguyễn Quang Sáng	Qua truyện ngắn Nguyễn Quang Sáng thể hiện được sâu sắc tư tưởng, chủ đề của tác phẩm, đó là sự khẳng định ngợi ca tình phụ tử thiêng liêng như một giá trị nhân văn sâu sắc. Tình cảm ấy là cội nguồn, sức mạnh vượt lên sự hủy diệt tàn bạo của chiến tranh.	Truyện kể theo điểm nhìn của bác Ba giúp tăng tính khách quan. Tạo dựng tình huống bất ngờ, tự nhiên và hợp lí, thành công Miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc qua suy nghĩ, hành động và lời nói.
4	Bàn về đọc sách	Chu Quang Tiềm	Đọc sách là con đường quan trọng để tích lũy nâng cao học vấn. Cần kết hợp giữa đọc rộng với đọc sâu, giữa đọc sách thường thức với đọc sách chuyên môn. Việc đọc sách không thể tùy hứng mà phải có kế hoạch, có mục đích kiên định, phải vừa đọc vừa nghiền ngẫm	Tác phẩm nghị luận có tính thuyết phục, sức hấp dẫn cao bởi cách trình bày vừa đạt lí vừa thấu tình, bởi lời văn giàu hình ảnh nhiều chỗ tác giả dùng cách nói ví von thật cụ thể và thú vị. Bố cục bài viết chặt chẽ, hợp lí dẫn dắt tự nhiên.
5	Tiếng nói của văn nghệ	Nguyễn Đình Thi	Bài viết đã nói lên những đặc trưng tiêu biểu và đề cao vai trò của văn nghệ trong đời sống con người. Văn nghệ là tiếng nói của những tư tưởng, tình cảm, của tâm hồn.	Bố cục chặt chẽ, hợp lí, dẫn dắt tự nhiên. Lối viết giàu hình ảnh. Sử dụng nhiều dẫn chứng thơ văn. Dẫn chứng thực tế
6	Mùa xuân nho nhỏ	Thanh Hải	<ul style="list-style-type: none"> - Vẻ đẹp trong trẻo, đầy sức sống của thiên nhiên đất trời mùa xuân và cảm xúc say sưa, ngây ngất của nhà thơ. - Vẻ đẹp và sức sống của đất nước qua mấy nghìn năm lịch sử. - Khát vọng, mong ước đc sống có ý nghĩa, đc cống hiến cho đất nước, cho cuộc đời của tác giả. 	Bài thơ theo thể năm tiếng, có nhạc điệu trong sáng, tha thiết, gần gũi với dân ca, nhiều hình ảnh đẹp, giản dị, gợi cảm, những so sánh và ẩn dụ sáng tạo.
7	Viếng lăng Bác	Viễn Phương	<ul style="list-style-type: none"> - Tâm trạng vô cùng xúc động của một người con từ chiến trường miền Nam được ra viếng Bác. - Tấm lòng thành kính thiêng liêng trước công lao vĩ đại và tâm hồn cao đẹp, sáng trong của Người. - Nỗi đau xót tột cùng của nhân dân ta nói chung, của tác giả nói riêng khi Bác không còn nữa 	<ul style="list-style-type: none"> - Giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng, vừa tha thiết, đau xót, tự hào, phù hợp với nội dung cảm xúc bài thơ. - Thể thơ 8 chữ có đôi chỗ biến thể, cách gieo vần và nhịp điệu thơ linh hoạt. - Sáng tạo trong việc xây dựng h/ả thơ... - Lựa chọn ngôn ngữ biểu cảm, sử dụng các ẩn dụ,

			- Tâm trạng lưu luyến và mong muốn được mãi bên Bác	điệp từ có hiệu quả nghệ thuật.
8	Sang Thu	Hữu Thỉnh	- Bài thơ thể hiện cảm nhận tinh tế và tâm trạng ngổn ngang, cảm xúc băng khuâng của nhà thơ khi chợt nhận ra những tín hiệu báo thu sang. - Những suy ngẫm sâu sắc mang tính triết lí về con người và cuộc đời của t/giả lúc sang thu làm nên đặc điểm của cái tôi trữ tình sâu sắc trong bài thơ.	- Khắc hoạ hình ảnh thơ đẹp, gợi cảm, đặc sắc về thời điểm giao mùa hạ - thu ở nông thôn vùng đồng bằng Bắc Bộ. - Sáng tạo trong việc sử dụng từ ngữ, dùng phép nhân hoá, phép ẩn dụ.
9	Nói với con	Y Phương	- Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người (con được lớn lên trong tình yêu thương của cha mẹ, trong cuộc sống lao động, trong thiên nhiên thơ mộng và nghĩa tình của quê hương). - Những đức tính cao đẹp mang tính truyền thống có sức sống mạnh mẽ và bền bỉ và mong muốn con mình hãy kế tục xứng đáng truyền thống ấy của người cha.	- Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình, tha thiết, trù mến. - Xây dựng những hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa mang tính khái quát, mộc mạc mà vẫn giàu chất thơ. - Có bố cục chặt chẽ, dẫn dắt tự nhiên.

II. PHẦN TIẾNG VIỆT

1. Khởi ngữ

- Đặc điểm của khởi ngữ:

- + Là thành phần câu đứng trước chủ ngữ để nêu lên đề tài được nói đến trong câu.
- + Trước khởi ngữ thường có thêm các từ: về, đối với.

- Công dụng: Nêu lên đề tài được nói đến trong câu.

2. Các thành phần biệt lập

- Thành phần biệt lập là thành phần không tham gia vào việc diễn đạt sự việc của câu.

2.1. Thành phần tình thái là thành phần được dùng để thể hiện cách nhìn của người nói đối với sự việc được nói đến trong câu.

2.2. Thành phần cảm thán là thành phần được dùng để bộc lộ thái độ, tình cảm, tâm lí của người nói (vui, mừng, buồn, giận...); có sử dụng những từ ngữ như: chao ôi, a, ời, trời ời.... Thành phần cảm thán có thể được tách thành một câu riêng theo kiểu câu đặc biệt.

2.3. Thành phần gọi - đáp là thành phần biệt lập được dùng để tạo lập hoặc duy trì quan hệ giao tiếp; có sử dụng những từ dùng để gọi – đáp.

2.4. Thành phần phụ chú là thành phần biệt lập được dùng để bổ sung một số chi tiết cho nội dung chính của câu; thường được đặt giữa hai dấu gạch ngang, hai dấu phẩy, hai dấu ngoặc đơn hoặc giữa hai dấu gạch ngang với dấu phẩy. Nhiều khi thành phần phụ chú cũng được đặt sau dấu ngoặc chấm.

3. Các phép liên kết câu và liên kết đoạn văn

Câu văn, đoạn văn trong văn bản phải liên kết chặt chẽ với nhau về nội dung và hình thức:

- Liên kết nội dung: các đoạn văn phải phục vụ chủ đề chung của văn bản, các câu văn phải phục vụ chủ đề chung của đoạn (liên kết chủ đề); các đoạn văn, câu văn phải được sắp xếp theo trình tự hợp lý (liên kết logic).

- Liên kết về hình thức: các câu văn, đoạn văn có thể được liên kết với nhau bằng một số biện pháp chính là phép lặp, phép đồng nghĩa, trái nghĩa, phép liên tưởng, phép thế, phép nói.

3.1. Phép lặp từ ngữ: là cách lặp lại ở câu đứng sau những từ đã có ở câu trước.

3.2. Phép LK dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa và liên tưởng

- Câu sau được liên kết với câu trước nhờ các từ đồng nghĩa, trái nghĩa, cùng trường liên tưởng.

3.3. Phép thế: là cách sử dụng ở câu sau các từ ngữ có tác dụng thay thế từ ngữ đã có ở câu trước.

3.4. Phép nói: Sử dụng quan hệ từ để nói: và, rồi, nhưng, mà, còn, nên, cho nên, vì, nếu, tuy, để...

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

HS bám sát vào cách làm bài nghị luận để giải quyết các đề bài cụ thể.

1. Nghị luận về một sự việc, hiện tượng đời sống

a. Mở bài

- Giới thiệu về hiện tượng đời sống mà đề bài đưa ra

b. Thân bài

Luận điểm 1: Trình bày sơ qua về hiện tượng đời sống, làm rõ từ ngữ, hình ảnh khái niệm trong hiện tượng đó.

Luận điểm 2: Nêu thực trạng hiện tượng đó và những ảnh hưởng của nó tới đời sống xã hội.

- Thực tế nó đang diễn ra như thế nào, ảnh hưởng ra sao tới đời sống và thái độ của xã hội đối với vấn đề đó.

- Liên hệ thực tế tại địa phương nơi mình sinh sống, đưa ra những dẫn chứng sắc bén, thuyết phục để tăng tính cấp thiết phải giải quyết vấn đề.

Luận điểm 3: Lý giải nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó: chủ quan, khách quan, do con người, do tự nhiên....để đề xuất phương hướng giải quyết phù hợp.

Luận điểm 4: Đề xuất giải pháp để giải quyết hiện tượng đó, chỉ rõ việc cần làm, cách thực hiện và cần sự phối hợp của những ai.

c. Kết bài

- Khái quát lại hiện tượng đời sống đó

- Thái độ, suy nghĩ của bản thân về hiện tượng đang đề cập đến.

2. Nghị luận về một vấn đề tư tưởng, đạo lý

a. Mở bài

- Giới thiệu, dẫn dắt tư tưởng, đạo lý cần bàn luận và mở ra hướng giải quyết cho tư tưởng, đạo lý đó.

b. Thân bài

Luận điểm 1: Giải thích về tư tưởng, đạo lý cần bàn luận

- Giải thích rõ nội dung, tư tưởng đạo lý đó, đồng thời giải thích rõ các từ ngữ, khái niệm, thuật ngữ, nghĩa đen, nghĩa bóng (nếu có).

- Rút ra ý nghĩa chung của tư tưởng, đạo lý của đề bài

Lưu ý: Bám sát vào tư tưởng, đạo lý mà đề bài yêu cầu, tránh những suy nghĩ mang tính tùy tiện, chủ quan.

- Đi từ yếu tố nhỏ đến yếu tố lớn: giải thích từ ngữ, hình ảnh trước rồi mới khái quát ý nghĩa của toàn bộ tư tưởng, đạo lý.

Luận điểm 2: Phân tích và chứng minh

- Nêu ra mặt đúng của tư tưởng, đạo lý đó

- Dùng những lý lẽ, lập luận và dẫn chứng xảy ra trong xã hội thực tế để chứng minh.
- Chỉ ra tầm quan trọng, tác dụng của tư tưởng, đạo lý đối với đời sống văn hóa xã hội

Luận điểm 3: Bình luận mở rộng vấn đề

- Bác bỏ những biểu hiện sai lệch có liên quan đến tư tưởng, đạo lý đó
- Đưa ra dẫn chứng minh học, những tấm gương có thật trong đời sống

Luận điểm 4: Rút ra bài học và hành động

- Đưa ra kết luận đúng để thuyết phục được người đọc và áp dụng đạo lý, tư tưởng đó vào thực tiễn đời sống.

c. Kết bài

- Đánh giá khái quát về ý nghĩa tư tưởng đạo lý nghị luận
- Mở ra hướng suy nghĩ mới và mong muốn bản thân.

3. Nghị luận về tác phẩm truyện (Hoặc đoạn trích).

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm (xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác,...)
- Nội dung cần bàn luận.

b. Thân bài:

- Ý khái quát : tóm tắt sơ lược nội dung chính của tác phẩm.
- Làm rõ nội dung nghệ thuật theo định hướng của đề. Kết hợp các thao tác phân tích, chứng minh, bàn luận.
- Nêu cảm nhận, đánh giá về tác phẩm, đoạn trích.

c. Kết bài:

Nhận xét, đánh giá khái quát tác phẩm, đoạn trích (cái hay, độc đáo về giá trị nghệ thuật và giá trị tư tưởng)